



NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM
HĐ TUYỂN DỤNG CÔNG CHỨC LOẠI C
NIÊN NĂM 2023

KẾT QUẢ ĐIỂM THI VÒNG 1 VÀ LỊCH PHÒNG VẤN VÒNG 2 KỲ THI TUYỂN
CÔNG CHỨC LOẠI C VÀO LÀM VIỆC TẠI CÁC ĐƠN VỊ
THUỘC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC TRUNG ƯƠNG NĂM 2023

Ghi chú:

Số câu hỏi phần thi Kiến thức chung là 60 câu; Số câu hỏi phần thi Tiếng Anh là 30 câu. Kết quả thi Vòng 1 được xác định theo số câu trả lời đúng cho từng phần thi nói trên, thí sinh nếu trả lời đúng từ 50% số câu hỏi trở lên cho từng phần thi tại Vòng 1 được thi tiếp Vòng 2. Theo đó, thí sinh có số câu trả lời đúng từ 30 câu trở lên đối với phần thi Kiến thức chung và từ 15 câu trở lên đối với phần thi Tiếng Anh sẽ tiếp tục dự thi Vòng 2 - Phỏng vấn

STT	SBD	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh		Vị trí dự tuyển	Số câu trả lời đúng		Kết quả
				Nam	Nữ		Kiến thức chung	Tiếng Anh	
		Bàn phỏng vấn 1 - Ca thi 2 từ 09h30 - 11h30 ngày 26/11/2023							
1	TTGS1333	Trần Hồng Hạnh	Linh		05-03-1994	CV TTGSNH	35/60	24/30	Đạt
2	TTGS1334	Trần Khánh	Linh		09-07-2001	CV TTGSNH	34/60	25/30	Đạt
3	TTGS1335	Trần Phương	Linh		14-03-2001	CV TTGSNH	43/60	28/30	Đạt
4	TTGS1336	Trần Thảo	Linh		18-12-2001	CV TTGSNH	50/60	29/30	Đạt
5	TTGS1337	Trần Thị	Linh		13-12-1995	CV TTGSNH	33/60	21/30	Đạt
6	TTGS1338	Trịnh Khánh	Linh		16-11-1994	CV TTGSNH	42/60	Miễn	Đạt
7	TTGS1339	Vi Thị Hải	Linh		27-05-2001	CV TTGSNH	35/60	21/30	Đạt
8	TTGS1341	Vũ Mai	Linh		12-11-1999	CV TTGSNH	39/60	Miễn	Đạt
9	TTGS1342	Vũ Thị Thuý	Linh		13-09-1997	CV TTGSNH	42/60	30/30	Đạt
10	TTGS1343	Nguyễn Hồng	Linh	05-04-1998		CV TTGSNH	35/60	20/30	Đạt
11	TTGS1344	Nguyễn Bích	Loan		22-10-1998	CV TTGSNH	41/60	22/30	Đạt
12	TTGS1345	Tăng Sơn	Lộc	16-8-1998		CV TTGSNH	47/60	27/30	Đạt
13	TTGS1347	Dương Kim	Long	29-09-2000		CV TTGSNH	34/60	18/30	Đạt
14	TTGS1348	Nguyễn Danh Khánh	Long	25-01-1997		CV TTGSNH	35/60	23/30	Đạt
15	TTGS1349	Nguyễn Thành	Long	16-12-2001		CV TTGSNH	44/60	29/30	Đạt
16	TTGS1351	Nguyễn Văn Thành	Long	19-02-2000		CV TTGSNH	45/60	23/30	Đạt

STT	SBD	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh		Vị trí dự tuyển	Số câu trả lời đúng		Kết quả
				Nam	Nữ		Kiến thức chung	Tiếng Anh	
		Bàn phỏng vấn 2 - Ca thi 1 từ 07h00 - 08h30 ngày 26/11/2023							
17	TTGS1352	Kha Thị	Luân		27-08-1987	CV TTGSNH	32/60	25/30	Đạt
18	TTGS1353	Nguyễn Khánh	Ly		19-09-1996	CV TTGSNH	30/60	19/30	Đạt
19	TTGS1355	Bùi Hiền	Mai		12-08-2001	CV TTGSNH	32/60	22/30	Đạt
20	TTGS1358	Lương Thị Ngọc	Mai		20-07-1999	CV TTGSNH	32/60	23/30	Đạt
21	TTGS1360	Trần Như	Mai		06-06-1998	CV TTGSNH	34/60	28/30	Đạt
22	TTGS1361	Trần Thị Thanh	Mai		22-03-2000	CV TTGSNH	41/60	28/30	Đạt
23	TTGS1362	Đinh Đức	Mạnh	20-06-2001		CV TTGSNH	39/60	21/30	Đạt
24	TTGS1363	Nguyễn Đức	Mạnh	15-01-2001		CV TTGSNH	37/60	23/30	Đạt
25	TTGS1364	Nguyễn Thị	Mến		19-09-1991	CV TTGSNH	45/60	23/30	Đạt
		Bàn phỏng vấn 2 - Ca thi 2 từ 08h30 - 10h00 ngày 26/11/2023							
26	TTGS1365	Nguyễn Thị Hà	Mi		13-08-1998	CV TTGSNH	30/60	28/30	Đạt
27	TTGS1367	Trần Thị	Miền		10-02-1998	CV TTGSNH	34/60	24/30	Đạt
28	TTGS1369	Nguyễn Tuấn	Minh	26-08-1999		CV TTGSNH	39/60	18/30	Đạt
29	TTGS1374	Nguyễn Hà	My		03-09-1993	CV TTGSNH	30/60	18/30	Đạt
30	TTGS1378	Trần Thị Trà	My		17-10-1999	CV TTGSNH	41/60	26/30	Đạt
31	TTGS1379	Lê Nhật	Mỹ		20-02-2000	CV TTGSNH	42/60	26/30	Đạt
32	TTGS1380	Phan Thị Na	Na		21-02-1986	CV TTGSNH	33/60	24/30	Đạt
33	TTGS1381	Nguyễn Hà	Nam	21-07-1999		CV TTGSNH	38/60	23/30	Đạt
34	TTGS1382	Phùng Hải	Nam	18-11-2001		CV TTGSNH	31/60	25/30	Đạt
		Bàn phỏng vấn 2 - Ca thi 3 từ 10h00 - 11h30 ngày 26/11/2023							
35	TTGS1383	Trần Đại	Nam	18-05-1992		CV TTGSNH	36/60	17/30	Đạt
36	TTGS1384	Đặng Thị	Nga		10-02-1997	CV TTGSNH	45/60	21/30	Đạt
37	TTGS1386	Nguyễn Quỳnh	Nga		19-03-2000	CV TTGSNH	44/60	29/30	Đạt
38	TTGS1388	Trần Thị	Nga		03-06-1999	CV TTGSNH	40/60	29/30	Đạt



STT	SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Vị trí dự tuyển	Số câu trả lời đúng		Kết quả
			Nam	Nữ		Kiến thức chung	Tiếng Anh	
39	TTGS1390	Đinh Thị Ngân		27-06-2001	CV TTGSNH	34/60	19/30	Đạt
40	TTGS1392	Lưu Thị Tường Ngân		14-10-2000	CV TTGSNH	35/60	22/30	Đạt
41	TTGS1393	Nguyễn Lê Quỳnh Ngân		09-10-1993	CV TTGSNH	41/60	16/30	Đạt
42	TTGS1397	Nguyễn Thị Thuý Ngân		06-03-1979	CV TTGSNH	45/60	21/30	Đạt
43	TTGS1398	Lê Hữu Nghĩa	10-06-1987		CV TTGSNH	39/60	26/30	Đạt
Bàn phỏng vấn 3 - Ca thi 1 từ 07h00 - 08h30 ngày 26/11/2023								
44	TTGS1400	Chu Hồng Ngọc		14-12-2001	CV TTGSNH	45/60	20/30	Đạt
45	TTGS1401	Đặng Minh Ngọc		20-04-1988	CV TTGSNH	46/60	24/30	Đạt
46	TTGS1402	Đỗ Thu Ngọc		07-09-2000	CV TTGSNH	33/60	28/30	Đạt
47	TTGS1403	Đoàn Thị Ánh Ngọc		19-09-1984	CV TTGSNH	40/60	24/30	Đạt
48	TTGS1407	Lê Thúy Ngọc		14-10-2000	CV TTGSNH	35/60	19/30	Đạt
49	TTGS1408	Nguyễn Lê Ngọc		13-02-2001	CV TTGSNH	33/60	16/30	Đạt
50	TTGS1410	Nguyễn Thị Ngọc		10-03-1983	CV TTGSNH	37/60	16/30	Đạt
51	TTGS1412	Tạ Thị Ngọc		02-10-2000	CV TTGSNH	35/60	18/30	Đạt
52	TTGS1413	Trần Minh Ngọc		29-12-1990	CV TTGSNH	42/60	24/30	Đạt
Bàn phỏng vấn 3 - Ca thi 2 từ 08h30 - 10h00 ngày 26/11/2023								
53	TTGS1414	Trương Thị Bích Ngọc		05-12-1989	CV TTGSNH	38/60	15/30	Đạt
54	TTGS1415	Vũ Thúy Ngọc		12-12-1997	CV TTGSNH	37/60	22/30	Đạt
55	TTGS1417	Lê Như Nguyệt		01-03-2000	CV TTGSNH	35/60	17/30	Đạt
56	TTGS1418	Bế Minh Nhã		30-08-1994	CV TTGSNH	37/60	25/30	Đạt
57	TTGS1421	Đào Thị Nhân		02-06-1999	CV TTGSNH	30/60	20/30	Đạt
58	TTGS1422	Cao Minh Nhật		02-06-2001	CV TTGSNH	32/60	24/30	Đạt
59	TTGS1423	Hà Hạnh Nhi		08-08-2001	CV TTGSNH	40/60	28/30	Đạt
60	TTGS1424	Quách Yến Nhi		12-02-2001	CV TTGSNH	53/60	27/30	Đạt
61	TTGS1425	Đỗ Thị Nhung		18-04-1996	CV TTGSNH	32/60	22/30	Đạt

STT	SBD	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh		Vị trí dự tuyển	Số câu trả lời đúng		Kết quả
				Nam	Nữ		Kiến thức chung	Tiếng Anh	
		Bàn phỏng vấn 3 - Ca thi 3 từ 10h00 - 11h30 ngày 26/11/2023							
62	TTGS1428	Nguyễn Thị Hồng	Nhung		17-10-1994	CV TTGSNH	50/60	26/30	Đạt
63	TTGS1429	Nguyễn Thị Hồng	Nhung		06-01-1998	CV TTGSNH	35/60	18/30	Đạt
64	TTGS1430	Nguyễn Thị Trang	Nhung		20-01-2000	CV TTGSNH	30/60	28/30	Đạt
65	TTGS1431	Phạm Trang	Nhung		02-04-2001	CV TTGSNH	52/60	28/30	Đạt
66	TTGS1435	Đỗ Thị	Oanh		15-12-1993	CV TTGSNH	43/60	28/30	Đạt
67	TTGS1436	Trịnh Anh	Pháp	12-02-1989		CV TTGSNH	44/60	27/30	Đạt
68	TTGS1437	Đào Đức	Phú	16-10-1995		CV TTGSNH	41/60	23/30	Đạt
69	TTGS1439	Nguyễn Vũ Hoàng	Phước	30-04-1992		CV TTGSNH	43/60	28/30	Đạt
70	TTGS1440	Đào Hồng	Phương		12-12-2000	CV TTGSNH	42/60	30/30	Đạt
		Bàn phỏng vấn 1 - Ca thi 4 từ 13h00 - 14h30 ngày 26/11/2023							
71	TTGS1441	Đỗ Nguyễn Bảo	Phương		31-01-1999	CV TTGSNH	32/60	Miễn	Đạt
72	TTGS1444	Dương Thu	Phương		05-09-2000	CV TTGSNH	44/60	26/30	Đạt
73	TTGS1445	Hoàng Thị	Phương		25-09-1987	CV TTGSNH	32/60	23/30	Đạt
74	TTGS1447	Ngô Lan	Phương		19-12-2001	CV TTGSNH	49/60	29/30	Đạt
75	TTGS1448	Ngô Thị Minh	Phương		05-11-1999	CV TTGSNH	33/60	24/30	Đạt
76	TTGS1450	Nguyễn Thị Hà	Phương		27-12-2001	CV TTGSNH	38/60	23/30	Đạt
77	TTGS1451	Nguyễn Thị Liên	Phương		25-12-1998	CV TTGSNH	44/60	25/30	Đạt
78	TTGS1452	Nguyễn Thị Minh	Phương		02-02-1989	CV TTGSNH	40/60	25/30	Đạt
79	TTGS1454	Nguyễn Thị Thu	Phương		16-04-1998	CV TTGSNH	45/60	22/30	Đạt
		Bàn phỏng vấn 1 - Ca thi 5 từ 14h30 - 16h00 ngày 26/11/2023							
80	TTGS1456	Ngô Hà	Phương		15-12-2001	CV TTGSNH	30/60	25/30	Đạt
81	TTGS1457	Phan Thị Mai	Phương		02-08-1997	CV TTGSNH	41/60	25/30	Đạt
82	TTGS1459	Tạ Hà	Phương		05-11-1999	CV TTGSNH	35/60	26/30	Đạt
83	TTGS1460	Trần Thu	Phương		26-08-1998	CV TTGSNH	36/60	Miễn	Đạt

STT	SBD	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh		Vị trí dự tuyển	Số câu trả lời đúng		Kết quả
				Nam	Nữ		Kiến thức chung	Tiếng Anh	
84	TTGS1461	Triệu Thu	Phương		01-11-2000	CV TTGSNH	35/60	24/30	Đạt
85	TTGS1464	Vũ Hải Linh	Phương		08-03-1994	CV TTGSNH	36/60	15/30	Đạt
86	TTGS1466	Vũ Mai	Phương		10-05-2001	CV TTGSNH	41/60	27/30	Đạt
87	TTGS1468	Lưu Ngọc	Phượng		21-11-1990	CV TTGSNH	38/60	22/30	Đạt
88	TTGS1475	Nguyễn Lê Tú	Quyên		10-03-1998	CV TTGSNH	43/60	22/30	Đạt
Bàn phỏng vấn 1 - Ca thi 6 từ 16h00 - 17h30 ngày 26/11/2023									
89	TTGS1477	Tạ Văn	Quyên	20-11-1995		CV TTGSNH	44/60	17/30	Đạt
90	TTGS1478	Trương Đình	Quyên	10-08-1998		CV TTGSNH	37/60	19/30	Đạt
91	TTGS1480	Dư Thị	Quỳnh		23-02-1999	CV TTGSNH	33/60	18/30	Đạt
92	TTGS1481	Dương Thị Hương	Quỳnh		28-03-2001	CV TTGSNH	40/60	29/30	Đạt
93	TTGS1485	Nguyễn Phương	Quỳnh		29-12-2001	CV TTGSNH	35/60	27/30	Đạt
94	TTGS1486	Nguyễn Thị	Quỳnh		23-02-1996	CV TTGSNH	44/60	18/30	Đạt
95	TTGS1487	Nguyễn Thị	Quỳnh		22-05-1998	CV TTGSNH	49/60	21/30	Đạt
96	TTGS1488	Nguyễn Thị	Quỳnh		04-08-1990	CV TTGSNH	34/60	17/30	Đạt
97	TTGS1490	Vương Thị Hương	Quỳnh		14-11-1988	CV TTGSNH	34/60	20/30	Đạt
Bàn phỏng vấn 2 - Ca thi 4 từ 13h00 - 14h30 ngày 26/11/2023									
98	TTGS1491	Ninh Khắc	Sáng	22-03-1991		CV TTGSNH	38/60	22/30	Đạt
99	TTGS1493	Lục Thái	Sơn	10-08-1993		CV TTGSNH	41/60	15/30	Đạt
100	TTGS1494	Nguyễn Thái	Sơn	02-10-1995		CV TTGSNH	33/60	20/30	Đạt
101	TTGS1495	Tường Thu	Sơn		23-11-1991	CV TTGSNH	33/60	27/30	Đạt
102	TTGS1496	Lê Minh	Tâm	28-10-2001		CV TTGSNH	44/60	29/30	Đạt
103	TTGS1497	Dương Đình	Tân	11-03-1992		CV TTGSNH	33/60	17/30	Đạt
104	TTGS1498	Nguyễn Phạm	Tân	18-09-1999		CV TTGSNH	33/60	23/30	Đạt
105	TTGS1500	Vũ Xuân	Thái	29-09-1993		CV TTGSNH	50/60	Miễn	Đạt
106	TTGS1504	Phan Đức	Thắng	04-02-2000		CV TTGSNH	37/60	22/30	Đạt

STT	SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Vị trí dự tuyển	Số câu trả lời đúng		Kết quả
			Nam	Nữ		Kiến thức chung	Tiếng Anh	
		Bàn phỏng vấn 2 - Ca thi 5 từ 14h30 - 16h00 ngày 26/11/2023						
107	TTGS1505	Đới Văn Thanh	19-06-1992		CV TTGSNH	39/60	27/30	Đạt
108	TTGS1506	Nguyễn Minh Thanh	30-01-1993		CV TTGSNH	45/60	25/30	Đạt
109	TTGS1508	Nguyễn Thị Phương Thanh		10-02-1990	CV TTGSNH	31/60	24/30	Đạt
110	TTGS1509	Đỗ Tuấn Thành	21-03-2000		CV TTGSNH	38/60	23/30	Đạt
111	TTGS1510	Nguyễn Tất Thành	26-01-1991		CV TTGSNH	37/60	28/30	Đạt
112	TTGS1514	Đặng Thị Thảo		10-09-1987	CV TTGSNH	46/60	Miễn	Đạt
113	TTGS1515	Đỗ Hoàng Thanh Thảo		04-03-1998	CV TTGSNH	44/60	25/30	Đạt
114	TTGS1516	Đỗ Thị Thanh Thảo		24-09-1992	CV TTGSNH	39/60	27/30	Đạt
115	TTGS1518	Hoàng Thị Mai Thảo		22-03-1995	CV TTGSNH	34/60	26/30	Đạt
		Bàn phỏng vấn 2 - Ca thi 6 từ 16h00 - 17h30 ngày 26/11/2023						
116	TTGS1519	Lê Xuân Thảo	06-01-2000		CV TTGSNH	49/60	30/30	Đạt
117	TTGS1521	Nguyễn Phương Thảo		21-10-1992	CV TTGSNH	37/60	27/30	Đạt
118	TTGS1522	Nguyễn Thị Thảo		25-03-1992	CV TTGSNH	39/60	22/30	Đạt
119	TTGS1523	Nguyễn Thị Thảo		10-01-1996	CV TTGSNH	39/60	26/30	Đạt
120	TTGS1524	Nguyễn Thị Phương Thảo		18-04-1988	CV TTGSNH	35/60	21/30	Đạt
121	TTGS1525	Nguyễn Thị Phương Thảo		01-09-2001	CV TTGSNH	43/60	27/30	Đạt
122	TTGS1527	Phạm Minh Thảo		14-03-1995	CV TTGSNH	38/60	22/30	Đạt
123	TTGS1530	Quách Thu Thảo		30-01-1994	CV TTGSNH	41/60	22/30	Đạt
124	TTGS1531	Trần Hương Thảo		30-07-2000	CV TTGSNH	33/60	24/30	Đạt
		Bàn phỏng vấn 3 - Ca thi 4 từ 13h00 - 14h30 ngày 26/11/2023						
125	TTGS1533	Trịnh Phương Thảo		02-03-1997	CV TTGSNH	50/60	30/30	Đạt
126	TTGS1534	Trịnh Thu Thảo		29-05-1996	CV TTGSNH	41/60	19/30	Đạt
127	TTGS1535	Vũ Minh Thảo		17-05-2001	CV TTGSNH	43/60	29/30	Đạt
128	TTGS1536	Vương Phương Thảo		05-03-2000	CV TTGSNH	32/60	25/30	Đạt

STT	SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Vị trí dự tuyển	Số câu trả lời đúng		Kết quả
			Nam	Nữ		Kiến thức chung	Tiếng Anh	
129	TTGS1537	Lê Duy Thi	16-07-1988		CV TTGSNH	35/60	16/30	Đạt
130	TTGS1538	Nguyễn Bá Thi	16-12-1996		CV TTGSNH	43/60	19/30	Đạt
131	TTGS1540	Vũ Tuấn Thiên	07-12-1997		CV TTGSNH	39/60	26/30	Đạt
132	TTGS1541	Nguyễn Đức Thiện	01-11-2000		CV TTGSNH	35/60	18/30	Đạt
133	TTGS1543	Đoàn Hưng Thịnh	15-05-1991		CV TTGSNH	34/60	23/30	Đạt
Bàn phỏng vấn 3 - Ca thi 5 từ 14h30 - 16h00 ngày 26/11/2023								
134	TTGS1544	Hoàng Đức Thịnh	09-09-1999		CV TTGSNH	47/60	25/30	Đạt
135	TTGS1545	Hoàng Anh Thơ		28-01-2001	CV TTGSNH	41/60	28/30	Đạt
136	TTGS1547	Nguyễn Thị Thơm		13-03-1999	CV TTGSNH	31/60	21/30	Đạt
137	TTGS1549	Đỗ Thị Thu		04-10-1990	CV TTGSNH	43/60	26/30	Đạt
138	TTGS1557	Nguyễn Thị Thanh Thư		21-01-1997	CV TTGSNH	38/60	22/30	Đạt
139	TTGS1558	Tạ Thị Thu Thư		08-04-2001	CV TTGSNH	38/60	27/30	Đạt
140	TTGS1560	Phạm Ninh Thuận		19-09-1992	CV TTGSNH	45/60	27/30	Đạt
141	TTGS1561	Đinh Thị Hiền Thực		10-08-1997	CV TTGSNH	30/60	28/30	Đạt
142	TTGS1562	Đào Thị Thương		08-05-1993	CV TTGSNH	52/60	26/30	Đạt
Bàn phỏng vấn 3 - Ca thi 6 từ 16h00 - 17h30 ngày 26/11/2023								
143	TTGS1564	Nguyễn Huyền Thương		25-10-2000	CV TTGSNH	47/60	28/30	Đạt
144	TTGS1566	Tô Phương Thuý		10-03-1994	CV TTGSNH	44/60	27/30	Đạt
145	TTGS1567	Cao Thị Thanh Thuý		08-05-1988	CV TTGSNH	51/60	26/30	Đạt
146	TTGS1568	Hà Thu Thuý		29-09-2000	CV TTGSNH	37/60	26/30	Đạt
147	TTGS1569	Lê Hồng Thuý		11-01-2001	CV TTGSNH	33/60	22/30	Đạt
148	TTGS1572	Đỗ Minh Thúy		25-09-1995	CV TTGSNH	41/60	21/30	Đạt
149	TTGS1574	Nguyễn Thị Thùy		14-06-1990	CV TTGSNH	44/60	Miễn	Đạt
150	TTGS1576	Nguyễn Thị Thùy		04-12-1996	CV TTGSNH	43/60	20/30	Đạt
151	TTGS1578	Tô Thị Thanh Thùy		06-03-2001	CV TTGSNH	38/60	25/30	Đạt

STT	SBD	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh		Vị trí dự tuyển	Số câu trả lời đúng		Kết quả
				Nam	Nữ		Kiến thức chung	Tiếng Anh	
		Bàn phỏng vấn 1 - Ca thi 1 từ 07h00 - 08h30 ngày 27/11/2023							
152	TTGS1581	Ngô Thuý Tiên		16-12-2000	CV TTGSNH	41/60	28/30	Đạt	
153	TTGS1583	Lê Thị Kim Tiến		06-05-1997	CV TTGSNH	34/60	17/30	Đạt	
154	TTGS1584	Nguyễn Văn Tin	10-12-1998		CV TTGSNH	41/60	20/30	Đạt	
155	TTGS1587	Đặng Thu Trang		25-08-1997	CV TTGSNH	43/60	24/30	Đạt	
156	TTGS1590	Đỗ Huyền Trang		18-12-2001	CV TTGSNH	32/60	28/30	Đạt	
157	TTGS1591	Dương Thị Trang		08-03-2001	CV TTGSNH	45/60	28/30	Đạt	
158	TTGS1592	Dương Thị Thu Trang		10-02-1993	CV TTGSNH	36/60	Miễn	Đạt	
159	TTGS1594	Nguyễn Hà Trang		21-11-2000	CV TTGSNH	37/60	27/30	Đạt	
160	TTGS1598	Nguyễn Thị Dung Trang		11-08-1994	CV TTGSNH	36/60	23/30	Đạt	
		Bàn phỏng vấn 1 - Ca thi 2 từ 08h30 - 10h00 ngày 27/11/2023							
161	TTGS1600	Nguyễn Thị Quỳnh Trang		07-01-1998	CV TTGSNH	41/60	25/30	Đạt	
162	TTGS1601	Nguyễn Thị Thu Trang		24-06-1998	CV TTGSNH	42/60	29/30	Đạt	
163	TTGS1603	Nguyễn Thị Thu Trang		25-07-1989	CV TTGSNH	32/60	19/30	Đạt	
164	TTGS1604	Nguyễn Thị Thuý Trang		17-01-2001	CV TTGSNH	34/60	18/30	Đạt	
165	TTGS1606	Nguyễn Thu Trang		17-01-1989	CV TTGSNH	37/60	25/30	Đạt	
166	TTGS1607	Nguyễn Thuý Trang		31-05-2001	CV TTGSNH	43/60	26/30	Đạt	
167	TTGS1608	Trần Thị Huyền Trang		17-03-1995	CV TTGSNH	37/60	25/30	Đạt	
168	TTGS1612	Khiếu Việt Trinh		16-04-1993	CV TTGSNH	37/60	21/30	Đạt	
169	TTGS1613	Nguyễn Thị Kiều Trinh		09-03-1994	CV TTGSNH	46/60	21/30	Đạt	
		Bàn phỏng vấn 1 - Ca thi 3 từ 10h00 - 11h30 ngày 27/11/2023							
170	TTGS1614	Phùng Việt Trinh		24-03-2001	CV TTGSNH	36/60	26/30	Đạt	
171	TTGS1615	Trần Ngọc Phương Trinh		27-12-1997	CV TTGSNH	38/60	Miễn	Đạt	
172	TTGS1616	Nguyễn Đức Trọng	02-01-2000		CV TTGSNH	48/60	27/30	Đạt	
173	TTGS1617	Nguyễn Hạ Huệ Trúc		28-04-1998	CV TTGSNH	36/60	29/30	Đạt	

84

STT	SBD	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh		Vị trí dự tuyển	Số câu trả lời đúng		Kết quả
				Nam	Nữ		Kiến thức chung	Tiếng Anh	
174	TTGS1618	Đàm Quang	Trung	14-02-1992		CV TTGSNH	38/60	Miễn	Đạt
175	TTGS1619	Đặng Quang	Trung	14-03-1996		CV TTGSNH	41/60	20/30	Đạt
176	TTGS1620	Nguyễn Thành	Trung	25-06-1996		CV TTGSNH	36/60	Miễn	Đạt
177	TTGS1621	Hà Lê Thanh	Trường	04-12-1997		CV TTGSNH	39/60	22/30	Đạt
178	TTGS1623	Hoàng Anh	Tú	19-05-1998		CV TTGSNH	31/60	26/30	Đạt
Bàn phỏng vấn 1 - Ca thi 4 từ 13h00 - 14h30 ngày 27/11/2023									
179	TTGS1624	Hoàng Thị Cẩm	Tú		13-10-1996	CV TTGSNH	44/60	24/30	Đạt
180	TTGS1626	Nguyễn Ngọc	Tú		25-07-1996	CV TTGSNH	38/60	26/30	Đạt
181	TTGS1627	Nguyễn Thanh	Tú		10-10-2001	CV TTGSNH	30/60	23/30	Đạt
182	TTGS1629	Phạm Minh	Tú	11-07-2001		CV TTGSNH	44/60	22/30	Đạt
183	TTGS1630	Đình Hữu	Tuân	22-11-2001		CV TTGSNH	31/60	24/30	Đạt
184	TTGS1631	Nguyễn Anh	Tuân	22-12-1991		CV TTGSNH	50/60	24/30	Đạt
185	TTGS1632	Nguyễn Ngọc	Tuân	09-11-1980		CV TTGSNH	32/60	25/30	Đạt
186	TTGS1633	Đào Thanh	Tùng	01-04-1994		CV TTGSNH	42/60	Miễn	Đạt
187	TTGS1634	Đỗ Việt	Tùng	17-09-1999		CV TTGSNH	40/60	23/30	Đạt
Bàn phỏng vấn 1 - Ca thi 5 từ 14h30 - 16h00 ngày 27/11/2023									
188	TTGS1635	Hoàng Thanh	Tùng	20-08-1995		CV TTGSNH	40/60	20/30	Đạt
189	TTGS1637	Lê Thanh	Tùng	02-09-1998		CV TTGSNH	45/60	27/30	Đạt
190	TTGS1640	Võ Hoàng	Tùng	09-01-2001		CV TTGSNH	50/60	26/30	Đạt
191	TTGS1641	Phạm Thị	Tươi		21-12-2000	CV TTGSNH	40/60	24/30	Đạt
192	TTGS1642	Nguyễn Văn	Tuyển	10-09-1990		CV TTGSNH	36/60	15/30	Đạt
193	TTGS1645	Nguyễn Thu	Uyên		28-03-2000	CV TTGSNH	34/60	20/30	Đạt
194	TTGS1647	Trần Thị Tố	Uyên		08-07-1999	CV TTGSNH	43/60	29/30	Đạt
195	TTGS1648	Trương Đoàn Thu	Uyên		04-01-2001	CV TTGSNH	33/60	27/30	Đạt
196	TTGS1649	Đặng Thị	Vân		02-03-1992	CV TTGSNH	35/60	16/30	Đạt

STT	SBD	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh		Vị trí dự tuyển	Số câu trả lời đúng		Kết quả
				Nam	Nữ		Kiến thức chung	Tiếng Anh	
		Bàn phỏng vấn 1 - Ca thi 6 từ 16h00 - 17h30 ngày 27/11/2023							
197	TTGS1650	Trần Mai	Vân		02-01-2001	CV TTGSNH	41/60	24/30	Đạt
198	TTGS1654	Phùng Quốc	Việt	22-07-1989		CV TTGSNH	44/60	23/30	Đạt
199	TTGS1655	Đoàn Bá Thành	Vinh	17-01-2000		CV TTGSNH	35/60	23/30	Đạt
200	TTGS1656	Trần Đức	Vinh	10-10-1993		CV TTGSNH	48/60	24/30	Đạt
201	TTGS1658	Đinh Thị	Xuân		13-12-1999	CV TTGSNH	39/60	29/30	Đạt
202	TTGS1659	Nguyễn Thị Thanh	Xuân		01-02-2001	CV TTGSNH	37/60	26/30	Đạt
203	TTGS1660	Đặng Thị Hải	Yến		25-12-2000	CV TTGSNH	36/60	27/30	Đạt
204	TTGS1661	Hà Hải	Yến		20-11-1995	CV TTGSNH	44/60	24/30	Đạt
205	TTGS1664	Trần Thị	Yến		24-08-2000	CV TTGSNH	38/60	23/30	Đạt
		Thí sinh không đủ điều kiện dự thi Vòng 2							
206	TTGS1350	Nguyễn Thành	Long	23-10-1999		CV TTGSNH	27/60		Không đạt
207	TTGS1368	Nguyễn Tiến	Minh	25-11-2001		CV TTGSNH	26/60	22/30	Không đạt
208	TTGS1370	Trịnh Lê	Minh	09-11-2000		CV TTGSNH	28/60	29/30	Không đạt
209	TTGS1371	Vũ Đặng Tường	Minh	23-08-2001		CV TTGSNH	29/60	18/30	Không đạt
210	TTGS1372	Nguyễn Cự	Mười	23-09-1997		CV TTGSNH	24/60		Không đạt
211	TTGS1373	Hoàng Vũ Hiền	My		01-02-2001	CV TTGSNH	39/60	13/30	Không đạt
212	TTGS1375	Nguyễn Huyền	My		18-04-2001	CV TTGSNH	34/60	14/30	Không đạt
213	TTGS1394	Nguyễn Thị Thanh	Ngân		16-11-1999	CV TTGSNH	42/60	12/30	Không đạt
214	TTGS1404	Hoàng Bảo	Ngọc		09-08-1998	CV TTGSNH	29/60		Không đạt
215	TTGS1405	Hoàng Tuấn	Ngọc	07-01-2000		CV TTGSNH	28/60	24/30	Không đạt
216	TTGS1409	Nguyễn Minh	Ngọc		07-01-2000	CV TTGSNH	21/60	27/30	Không đạt
217	TTGS1411	Nguyễn Thị	Ngọc		29-04-1998	CV TTGSNH	35/60	8/30	Không đạt
218	TTGS1416	Cao Dương Bình	Nguyễn	19-11-2000		CV TTGSNH	28/60	17/30	Không đạt
219	TTGS1420	Trần Tuấn	Nhã	21-08-1991		CV TTGSNH	28/60	26/30	Không đạt

STT	SBD	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh		Vị trí dự tuyển	Số câu trả lời đúng		Kết quả
				Nam	Nữ		Kiến thức chung	Tiếng Anh	
220	TTGS1433	Trần Thị Khánh	Ninh		16-09-1991	CV TTGSNH	37/60	13/30	Không đạt
221	TTGS1434	Lê Thái	Nữ		13-04-1998	CV TTGSNH	29/60	17/30	Không đạt
222	TTGS1442	Đoàn Thị Thu	Phương		05-03-2001	CV TTGSNH	29/60	23/30	Không đạt
223	TTGS1453	Nguyễn Thị Minh	Phương		11-10-1998	CV TTGSNH	29/60	29/30	Không đạt
224	TTGS1463	Trương Thị Nam	Phương		22-03-2001	CV TTGSNH	25/60		Không đạt
225	TTGS1467	Vương Thảo	Phương		31-12-2000	CV TTGSNH	29/60		Không đạt
226	TTGS1470	Lê Hùng	Quân	02-09-2001		CV TTGSNH	22/60	28/30	Không đạt
227	TTGS1472	Cần Thị Minh	Quý		08-09-1996	CV TTGSNH	29/60		Không đạt
228	TTGS1479	Bùi Như	Quỳnh		28-3-2000	CV TTGSNH	24/60	15/30	Không đạt
229	TTGS1489	Phạm Diễm	Quỳnh		28-02-2001	CV TTGSNH	29/60		Không đạt
230	TTGS1492	Hoàng Thị Mai	Sen		08-08-1988	CV TTGSNH	37/60	11/30	Không đạt
231	TTGS1499	Nguyễn Duy	Tấn	16-12-2001		CV TTGSNH	24/60		Không đạt
232	TTGS1520	Nguyễn Phương	Thảo		03-10-1999	CV TTGSNH	31/60	14/30	Không đạt
233	TTGS1542	Phạm Minh	Thiện	19-01-1999		CV TTGSNH	29/60		Không đạt
234	TTGS1552	Nguyễn Mai	Thu		07-02-2001	CV TTGSNH	25/60	24/30	Không đạt
235	TTGS1571	Vũ Thu	Thủy		12-12-1993	CV TTGSNH	19/60		Không đạt
236	TTGS1575	Hoàng Thị	Thủy		05-09-1989	CV TTGSNH	28/60	24/30	Không đạt
237	TTGS1580	Lưu Thị Thủy	Tiên		29-05-1992	CV TTGSNH	29/60	20/30	Không đạt
238	TTGS1582	Trần Thị Thủy	Tiên		07-03-2001	CV TTGSNH	23/60	25/30	Không đạt
239	TTGS1595	Nguyễn Hồng	Trang		13-11-1998	CV TTGSNH	25/60	24/30	Không đạt
240	TTGS1597	Nguyễn Thị	Trang		14-05-2000	CV TTGSNH	28/60	22/30	Không đạt
241	TTGS1605	Nguyễn Thị Thùy	Trang		25-08-1988	CV TTGSNH	29/60		Không đạt
242	TTGS1610	Trần Việt Hà	Trang		16-04-2000	CV TTGSNH	27/60	21/30	Không đạt
243	TTGS1622	Đỗ Thanh	Tú	13-11-1990		CV TTGSNH	40/60	12/30	Không đạt
244	TTGS1643	Phạm Kim	Tuyến		10-11-2000	CV TTGSNH	29/60		Không đạt

STT	SBD	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh		Vị trí dự tuyển	Số câu trả lời đúng		Kết quả
				Nam	Nữ		Kiến thức chung	Tiếng Anh	
245	TTGS1651	Vũ Thị Hải	Vân		25-09-1992	CV TTGSNH	26/60	16/30	Không đạt
246	TTGS1662	Nguyễn Thị	Yến		13-08-1993	CV TTGSNH	41/60	14/30	Không đạt
247	TTGS1340	Vũ Duy	Linh	04-09-1993		CV TTGSNH			Vắng
248	TTGS1346	Bùi Hải	Long	16-01-1992		CV TTGSNH			Vắng
249	TTGS1354	Vũ Thị	Lý		11-10-1999	CV TTGSNH			Vắng
250	TTGS1356	Lê Thị Thanh	Mai		03-04-2001	CV TTGSNH			Vắng
251	TTGS1357	Long Huyền	Mai		04-07-2000	CV TTGSNH			Vắng
252	TTGS1359	Nguyễn Thị Ngọc	Mai		18-08-1998	CV TTGSNH			Vắng
253	TTGS1366	Phạm Thị Thảo	Mi		13-07-1995	CV TTGSNH			Vắng
254	TTGS1376	Nguyễn Thu Hà	My		03-09-1998	CV Thanh tra, giám sát NH			Vắng
255	TTGS1377	Phạm Thị Trà	My		28-11-1998	CV TTGSNH			Vắng
256	TTGS1385	Hồ Thanh	Nga		27-09-1999	CV TTGSNH			Vắng
257	TTGS1387	Nguyễn Việt	Nga		09-08-1993	CV TTGSNH			Vắng
258	TTGS1389	Trần Thị Thanh	Nga		07-06-1987	CV TTGSNH			Vắng
259	TTGS1391	Hoàng Nguyễn Ngọc	Ngân		18-12-2000	CV TTGSNH			Vắng
260	TTGS1395	Phan Bảo	Ngân		25-12-2000	CV TTGSNH			Vắng
261	TTGS1396	Ngô Thị	Ngân		06-03-1998	CV TTGSNH			Vắng
262	TTGS1399	Phạm Hữu	Nghĩa	21-09-1996		CV TTGSNH			Vắng
263	TTGS1406	Lê Thị Bích	Ngọc		28-09-1996	CV TTGSNH			Vắng
264	TTGS1419	Dương Thu	Nhã		12-01-2001	CV TTGSNH			Vắng
265	TTGS1426	Đoàn Thị Hồng	Nhung		26-07-1998	CV TTGSNH			Vắng
266	TTGS1427	Nguyễn Lê Hồng	Nhung		13-01-2001	CV TTGSNH			Vắng
267	TTGS1432	Trần Thị	Nhung		08-09-1998	CV TTGSNH			Vắng
268	TTGS1438	Lê Xuân	Phú	26-08-2001		CV TTGSNH			Vắng
269	TTGS1443	Dương Thị	Phương		22-11-1993	CV TTGSNH			Vắng

STT	SBD	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh		Vị trí dự tuyển	Số câu trả lời đúng		Kết quả
				Nam	Nữ		Kiến thức chung	Tiếng Anh	
270	TTGS1446	Mai Thị Huyền	Phuong		29-01-1996	CV TTGSNH			Vắng
271	TTGS1449	Nguyễn Hà	Phuong		12-03-2001	CV TTGSNH			Vắng
272	TTGS1455	Nguyễn Thị Thu	Phuong		26-07-1994	CV TTGSNH			Vắng
273	TTGS1458	Phan Thị Thu	Phuong		25-11-1996	CV TTGSNH			Vắng
274	TTGS1462	Trương Thảo	Phuong		03-06-1998	CV TTGSNH			Vắng
275	TTGS1465	Vũ Mai	Phuong		30-01-1997	CV TTGSNH			Vắng
276	TTGS1469	Hoàng Ngọc	Quân	14-05-1996		CV TTGSNH			Vắng
277	TTGS1471	Phan Hồng	Quân	11-05-2001		CV TTGSNH			Vắng
278	TTGS1473	Hoàng Thị	Quyên		31-07-1992	CV TTGSNH			Vắng
279	TTGS1474	Nguyễn Lê	Quyên		23-09-1997	CV TTGSNH			Vắng
280	TTGS1476	Trần Thị	Quyên		01-02-1995	CV TTGSNH			Vắng
281	TTGS1482	Hà Diễm	Quỳnh		17-12-2001	CV TTGSNH			Vắng
282	TTGS1483	Lương Ngọc	Quỳnh		11-10-2000	CV TTGSNH			Vắng
283	TTGS1484	Ngô Thị Thu	Quỳnh		15-09-1993	CV TTGSNH			Vắng
284	TTGS1501	Nguyễn Đức	Thắng	04-01-2001		CV TTGSNH			Vắng
285	TTGS1502	Nguyễn Minh	Thắng	01-05-1991		CV TTGSNH			Vắng
286	TTGS1503	Nguyễn Ngọc	Thắng	26-01-1999		CV TTGSNH			Vắng
287	TTGS1507	Nguyễn Thị	Thanh		23-09-1993	CV TTGSNH			Vắng
288	TTGS1511	Phạm Minh	Thành	25-10-1988		CV TTGSNH			Vắng
289	TTGS1512	Trần Tiến	Thành	10-08-1993		CV TTGSNH			Vắng
290	TTGS1513	Đàm Phương	Thảo		12-10-2002	CV TTGSNH			Vắng
291	TTGS1517	Dương Phương	Thảo		20-09-1998	CV TTGSNH			Vắng
292	TTGS1526	Nguyễn Việt	Thảo		18-03-1999	CV TTGSNH			Vắng
293	TTGS1528	Phạm Phương	Thảo		09-06-1998	CV TTGSNH			Vắng
294	TTGS1529	Phạm Thị	Thảo		04-02-1994	CV TTGSNH			Vắng

STT	SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Vị trí dự tuyển	Số câu trả lời đúng		Kết quả
			Nam	Nữ		Kiến thức chung	Tiếng Anh	
295	TTGS1532	Trần Phương Thảo		08-03-1991	CV TTGSNH			Vắng
296	TTGS1539	Trần Minh Thiên	20-10-1997		CV TTGSNH			Vắng
297	TTGS1546	Nguyễn Tiến Thọ	06-01-1997		CV TTGSNH			Vắng
298	TTGS1548	Bùi Thị Minh Thu		01-07-1992	CV TTGSNH			Vắng
299	TTGS1550	Đỗ Thị Thu		03-11-1999	CV TTGSNH			Vắng
300	TTGS1551	Nguyễn Hà Thu		22-08-1995	CV TTGSNH			Vắng
301	TTGS1553	Nguyễn Thị Thu		18-04-1990	CV TTGSNH			Vắng
302	TTGS1554	Phạm Hoài Thu		28-06-2000	CV TTGSNH			Vắng
303	TTGS1555	Lê Hồ Anh Thư		24-03-2000	CV TTGSNH			Vắng
304	TTGS1556	Nguyễn Anh Thư		03-02-1999	CV TTGSNH			Vắng
305	TTGS1559	Vũ Khánh Thư		04-04-1997	CV TTGSNH			Vắng
306	TTGS1563	Lâm Văn Thương	06-12-1991		CV TTGSNH			Vắng
307	TTGS1565	Nguyễn Thị Phương Thủy		02-11-2000	CV TTGSNH			Vắng
308	TTGS1570	Nguyễn Thị Thủy		21-07-1993	CV TTGSNH			Vắng
309	TTGS1573	Nguyễn Thị Thúy		12-11-1987	CV TTGSNH			Vắng
310	TTGS1577	Nguyễn Thị Thanh Thủy		03-09-1994	CV TTGSNH			Vắng
311	TTGS1579	Trần Thị Thu Thủy		16-10-1984	CV TTGSNH			Vắng
312	TTGS1585	Trương Thị Tình		08-11-1998	CV TTGSNH			Vắng
313	TTGS1586	Nguyễn Ngọc Trâm		07-09-1987	CV TTGSNH			Vắng
314	TTGS1588	Đặng Thùy Trang		19-05-1999	CV TTGSNH			Vắng
315	TTGS1589	Đinh Thu Trang		23-10-1991	CV TTGSNH			Vắng
316	TTGS1593	Nghiêm Thị Thu Trang		02-12-2000	CV TTGSNH			Vắng
317	TTGS1596	Nguyễn Huyền Trang		27-11-1999	CV TTGSNH			Vắng
318	TTGS1599	Nguyễn Thị Hà Trang		13-08-1994	CV TTGSNH			Vắng
319	TTGS1602	Nguyễn Thị Thu Trang		08-06-1995	CV TTGSNH			Vắng



STT	SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Vị trí dự tuyển	Số câu trả lời đúng		Kết quả
			Nam	Nữ		Kiến thức chung	Tiếng Anh	
320	TTGS1609	Trần Thị Thu Trang		01-05-1997	CV TTGSNH			Vắng
321	TTGS1611	Võ Thuý Trang		05-02-1995	CV TTGSNH			Vắng
322	TTGS1625	Lê Tuấn Tú	06-11-1976		CV TTGSNH			Vắng
323	TTGS1628	Nguyễn Thị Cẩm Tú		21-01-2001	CV TTGSNH			Vắng
324	TTGS1636	Hứa Mạnh Tùng	18-07-1991		CV TTGSNH			Vắng
325	TTGS1638	Nguyễn Hữu Tùng	08-08-1994		CV TTGSNH			Vắng
326	TTGS1639	Trần Duy Tùng	22-03-2000		CV TTGSNH			Vắng
327	TTGS1644	Đặng Khánh Uyên		13-01-2001	CV TTGSNH			Vắng
328	TTGS1646	Trần Thị Kim Uyên		01-08-1999	CV TTGSNH			Vắng
329	TTGS1652	Bùi Đức Việt	17-04-1996		CV TTGSNH			Vắng
330	TTGS1653	Nguyễn Hoàng Việt	12-09-2000		CV TTGSNH			Vắng
331	TTGS1657	Hoàng lê Thảo Vy		15-05-2001	CV TTGSNH			Vắng
332	TTGS1663	Phạm Thị Yên		02-10-1997	CV TTGSNH			Vắng

stp

